

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược và Kế hoạch quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn 2012-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định

Thực hiện Văn bản số 4643/BTNMT-BĐKH ngày 16/9/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc báo cáo tình hình thực hiện Chiến lược và Kế hoạch quốc gia về biến đổi khí hậu; sau khi tổng hợp, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CỦA CHIẾN LƯỢC

1. Về giảm thiệt hại do rủi ro thiên tai

- Tình hình ban hành Kế hoạch phòng chống thiên tai

Ở cấp tỉnh: UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4176/QĐ-UBND ngày 19/11/2015 về việc Ban hành Kế hoạch Phòng, Chống thiên tai giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 2457/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 về việc cập nhật Kế hoạch Phòng, Chống thiên tai giai đoạn 2016-2020.

Ở cấp huyện: Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh xây dựng Tài liệu hướng dẫn xây dựng kế hoạch PCTT cấp huyện theo Văn bản số 290/PCTT ngày 21/10/2016 gửi đến các huyện, thị xã, thành phố. UBND các huyện, thị xã, thành phố đã lập và phê duyệt Kế hoạch PCTT giai đoạn 2016 - 2020.

Ở cấp xã: UBND các xã, phường, thị trấn đã xây dựng và cập nhật Kế hoạch PCTT giai đoạn 2016 - 2020.

- Tình hình xây dựng các công trình phòng chống thiên tai trọng điểm cấp bách; tình hình quy hoạch và xây dựng các khu trú, tránh bão cho tàu thuyền

Việc xây dựng các công trình phòng chống thiên tai trọng điểm cấp bách được thực hiện bởi các Dự án:

+ Dự án Nâng cấp hệ thống Đê và trồng rừng ngập mặn để ứng phó với biến đổi khí hậu vùng đầm Thị Nại - tỉnh Bình Định, hoàn thành năm 2018, nâng cấp 25,54km đê, sửa chữa 16 tràn xả lũ, sửa chữa 34 cống, làm mới 8 cống, trồng và chăm sóc 48,2 ha rừng ngập mặn.

+ Dự án Quản lý thiên tai (WB5), hoàn thành năm 2019, xây dựng nâng cấp 5,3 Km đê kè sông, 18 nhà tránh trú bão cộng đồng.

+ Dự án hồ chứa nước Đồng Mít (An Lão) khởi công tháng 02/2019, dự kiến hoàn thành cuối năm 2021. Mục tiêu trữ 80 triệu khối nước để cấp nước sản xuất, sinh hoạt, giảm lũ cho vùng hạ du, kết hợp phát điện

+ Dự án đập ngăn mặn trên sông Lại Giang khởi công tháng 02/2019, dự kiến hoàn thành tháng 12/2020. Mục tiêu ngăn mặn giữ ngọt cho 900ha đất nông nghiệp và cấp nước nuôi trồng thủy sản cho 155ha ở hạ lưu.

+ Hồ chứa ngọt Nhơn Châu, đưa vào sử dụng năm 2019, trữ 80.000 m³ nước phục vụ cấp nước sinh hoạt trên đảo, giảm lũ.

Các dự án đang triển khai: Dự án khắc phục khẩn cấp sau thiên tai năm 2016 (sửa chữa đê, kè, đập dâng trên sông, kênh mương, thông thoáng trục tiêu; cầu, đường giao thông); dự án sửa chữa nâng cao an toàn đập (16 hồ); dự án Thí điểm mô hình tăng trưởng xanh trong sản xuất cây thâm canh có múi, thí điểm đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm trên cây trồng cạn để ứng phó với tình hình nắng hạn tại Bình Định thuộc Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020 gồm trạm bơm và hệ thống tưới tiết kiệm.

- Tình hình các khu trú, tránh bão cho tàu thuyền

Toàn tỉnh có 03 khu neo đậu tránh trú bão, bao gồm: khu vực thành phố Quy Nhơn neo đậu khoảng 2.000 tàu; Khu vực huyện Phù Cát và Phù Mỹ có Đầm Đề Gi, neo đậu khoảng 1.500 tàu cá; Khu vực huyện Hoài Nhơn có cảng Tam Quan Bắc, neo đậu khoảng 1.200 tàu.

- Tình hình triển khai các phương án ứng phó thiên tai

Tổ chức bộ máy: hằng năm, trước mùa mưa bão UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, huyện, xã và phân công nhiệm vụ cụ thể các thành viên trong Ban Chỉ huy. Tại tỉnh có Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT đặt tại Chi cục Thủy lợi. Tại huyện sử dụng cán bộ phòng Nông nghiệp và PTNT hoặc phòng Kinh tế thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm về phòng chống thiên tai.

- Phương án ứng phó với bão, lũ, ngập lụt

+ Công tác kiểm soát an toàn tàu thuyền ra khơi: Các đồn Biên phòng kiểm soát an toàn tàu thuyền ra khơi. Tại các đồn có đài trực canh để thông tin liên lạc; có ca nô (60 – 250 CV) để tìm kiếm cứu nạn. Hải đội II Quy Nhơn có 2 tàu sắt, 1 tàu gỗ để TKCN ven biển. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh thực hiện trực ban TKCN trên biển 24/24; có phương án phối hợp TKCN với Chi cục Thủy sản và các địa phương ven biển.

+ Công tác neo đậu tàu thuyền tại bến: UBND các địa phương ven biển và các Ban Quản lý cảng cá có trách nhiệm trong việc tổ chức, sắp xếp tàu thuyền neo đậu an toàn tại bến; Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn có trách nhiệm sắp xếp neo đậu an toàn cho tàu vận tải trong vùng nước quản lý. Chi cục Thủy sản đã phối hợp với Bộ đội Biên phòng, các Ban quản lý cảng cá, UBND các xã hướng dẫn, hỗ trợ neo đậu an toàn tại bến cho ngư dân; kiểm soát tàu cá ra vào khi có bão. Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, các huyện ven biển, thành phố Quy Nhơn

thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện neo đậu an toàn; điều động nhân lực và phương tiện hỗ trợ đảm bảo an toàn cho ngư dân và tàu thuyền.

+ Hướng dẫn chằng chống nhà ở, kho tàng, bến cảng khi có bão, lũ: các sở, ngành, UBND các địa phương có phương án bảo đảm an toàn nhà ở, cơ quan; chuẩn bị vật liệu tại chỗ để giằng chống, gia cố nhà, kho tàng; vận động, tuyên truyền nhân dân sửa chữa, gia cố nhà trước khi có bão.

+ Công tác sơ tán dân vùng ven biển, vùng trũng thấp: từ năm 2016 đến nay, tỉnh đã tái định cư cho 2.789 hộ tại các khu vực triều cường, sạt lở đất; hiện còn 5.106 hộ dân cần di dời. UBND tỉnh có Văn bản số 299/UBND-KT ngày 29/5/2018 đề xuất Trung ương hỗ trợ di dời khẩn cấp 1.593 hộ dân do thiên tai năm 2016, 2017, trong đó di dời dân cư tập trung 430 hộ; di dời dân cư xen ghép 115 hộ; ổn định dân cư tại chỗ 1.048 hộ. Cụ thể là tái định cư tập trung tại các xã Mỹ Thắng 250 hộ, Cát Hải 150 hộ; ổn định tại chỗ cho nhân dân thôn Diêm Vân (xã Phước Thuận, Tuy Phước) 278 hộ, thôn Thanh Liêm 200 hộ, các thôn Vĩnh Lợi, Hưng Lạc, Hòa Hội Nam (xã Mỹ Thành, Phù Mỹ) 270 hộ.

UBND các địa phương đều xây dựng phương án PCTT và TKCN; trong đó có phương án di dời dân bị ảnh hưởng bão, lũ tại vùng trũng thấp, ven sông ven biển của các huyện Hoài Ân, An Lão, Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước, thành phố Quy Nhơn và triển khai thực hiện.

+ Hệ thống cảnh báo lũ, kiểm soát an toàn qua các bến đò, ngầm tràn, đường thường xuyên bị ngập lũ: toàn tỉnh có 49 vị trí ngầm, tràn ngập nước khi mưa lũ được cảnh báo; một số các tràn, ngầm qua đường giao thông được thay bằng cầu. UBND cấp huyện và Hạt giao thông đang triển khai bổ sung các biển cảnh báo tại các vị trí ngầm, tràn và bến đò. Vào mùa mưa lũ các địa phương đều chuẩn bị vật tư, vật liệu, phương tiện xe máy tại nơi xung yếu để xử lý kịp thời sự cố khi có lũ. Có phương án tổ chức lực lượng chốt chặn cảnh giới, điều tiết giao thông trên các tuyến đường khi có lũ; trực ban 24/24 giờ, tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát và phân luồng giao thông trên quốc lộ, tỉnh lộ khi mưa bão; trung chuyển hành khách và hàng hóa khi đường sắt bị chia cắt.

+ Thực hiện xây dựng nhà đảm bảo an toàn phòng tránh bão, lụt theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ: UBND tỉnh đã phê duyệt 1.169 hộ nghèo được hỗ trợ xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt với tổng kinh phí 15,622 tỷ đồng; đã có 422 hộ nhận hỗ trợ và xây dựng, cải tạo nhà ở đạt 36,1%.

Đồng thời, tỉnh Bình Định thực hiện một số biện pháp khác để hỗ trợ, phục vụ công tác ứng phó với bão, lũ, ngập lụt, bao gồm:

+ Thông tin, truyền thông, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTT và TKCN: Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Bình Định có chuyên mục tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về công tác phòng, chống giảm nhẹ thiên tai từng bước nâng cao nhận thức cộng đồng. Đã tuyên truyền trên báo, đài phát thanh truyền hình về ngày truyền thống phòng, chống thiên tai Việt Nam, thư của Chủ tịch nước; đưa thông tin tuyên truyền về PCTT lên các bảng tin điện tử

của các huyện, thị xã, thành phố; treo pano, băng rôn, tờ phướn tuyên truyền PCTT ở nơi công cộng, các trường học...

+ Thực hiện được 150 lớp tập huấn nâng cao nhận thức và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng với 5.546 lượt người tham gia (trong đó có 1.734 là nữ, đạt 31,26%), 560 giáo viên, 11.650 học sinh tại xã thuộc dự án WB5. Tổ chức 30 cuộc diễn tập với 6.300 người tham gia, triển khai hoạt động nâng cao năng lực PCTT; nội dung đều có lồng ghép tuyên truyền Luật Phòng, chống thiên tai; đào tạo 226 cán bộ cấp huyện từ năm 2017 - 2019 về công tác PCTT.

+ Bảo đảm an toàn hồ chứa: Hằng năm, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công Thương tổ chức kiểm tra công tác bảo đảm an toàn hồ chứa, công trình thủy lợi, thủy điện; nội dung kiểm tra tập trung: (i) Đánh giá tình trạng công trình và công tác quản lý an toàn đập; (ii) việc lập và thực hiện quy trình vận hành điều tiết hồ chứa; (iii) việc lập và thực hiện Phương án phòng chống lụt, bão, Phương án bảo vệ đập, Phương án phòng chống lũ lụt cho vùng hạ du hồ chứa; (iv) việc triển khai sửa chữa, khắc phục hư hỏng trước mùa lũ; vận hành thử cửa van xả lũ, cống lấy nước; chuẩn bị nhân lực, vật tư, thiết bị dự phòng theo phương châm 4 tại chỗ.

+ Hệ thống quan trắc lượng mưa, dòng chảy, hồ chứa: toàn tỉnh có 14 trạm đo mưa của ngành khí tượng thủy văn, 44 trạm tự động, 45 điểm đo mưa cộng đồng bố trí tại các hồ chứa lớn và vừa; có 07 trạm đo mực nước sông và 01 trạm hải văn của ngành khí tượng thủy văn, 10 trạm đo mực nước tự động lưu vực sông Kôn - Hà Thanh và 27 điểm đo mực nước thủ công ở các đập dâng trên sông Kôn, La Tinh, Lại Giang. Một số hồ chứa lớn có thiết bị quan trắc công trình, đo đường bão hòa, lún, chuyển vị như hồ Định Bình, hồ Hội Khánh, hồ Mỹ Thuận, hồ Núi Một, đập dâng Văn Phong...

+ Mốc cảnh báo lũ: trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh hiện có 17 mốc, ghi các mức lũ lớn đã xuất hiện.

+ Hệ thống cảnh báo sớm: Việc cảnh báo sớm mưa lũ trên địa bàn chủ yếu dựa vào thông tin dự báo của 7 trạm KTTV trong tỉnh bao gồm: trạm An Hòa (trạm Thủy văn cấp 1), trạm Quy Nhơn, Hoài Nhơn (trạm Khí tượng cấp 1), trạm Vĩnh Sơn, Bình Nghi (trạm Thủy văn cấp 3), trạm An Nhơn (trạm Khí tượng nông nghiệp cấp 3) và trạm Hải văn Môi trường Quy Nhơn (trạm cấp 3). Ngoài ra, có 10 trạm đo mực nước tự động do nước ngoài tài trợ lắp đặt trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh và mạng lưới các trạm đo mưa trên toàn tỉnh.

+ Mạng thông tin liên lạc vô tuyến điện trong bão lũ (bộ đàm bằng sóng radio) cho vùng hạ lưu sông Kôn - Hà Thanh phục vụ trong công tác truyền tin cảnh báo, chỉ huy điều hành giữa các cấp trong thiên tai khẩn cấp, bao gồm địa bàn các huyện Tuy Phước, Vân Canh, thị xã An Nhơn và thành phố Quy Nhơn

+ Hệ thống thông tin cảnh báo cộng đồng, người dân khi xả lũ hồ chứa (Hồ Định Bình): lắp đặt còi hú báo động xả lũ trên tuyến công trình để cảnh báo nhân dân chủ động ứng phó; mỗi xã, thị trấn vùng hạ lưu hồ chứa bị ảnh hưởng sử dụng còi, keng, loa phóng thanh trực tiếp báo đến người dân.

- Quỹ phòng chống thiên tai/Tổng kinh phí

Đề án thành lập, quản lý Quỹ PCTT tỉnh được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 88/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016. Cơ quan quản lý Quỹ triển khai việc thu quỹ PCTT từ đầu năm 2019; đến nay đã thu được gần 5.400 triệu đồng.

- Các mô hình phòng, chống thiên tai hiệu quả tại địa phương (nêu tên)

Mô hình quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng thuộc dự án WB5 triển khai ở 10 xã, thuộc thị xã An Nhơn và huyện Tuy Phước, gồm các hoạt động: xây dựng nhà tránh trú bão cộng đồng; tổ chức đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; tuyên truyền, truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng; mỗi xã tổ chức diễn tập phòng chống thiên tai theo kịch bản thực tế của địa phương; mua sắm trang thiết bị phục vụ cứu hộ cho UBND xã.

- Số liệu về thiệt hại do thiên tai gây ra hàng năm trong giai đoạn 2012-2019 (người, tài sản) theo Bảng 1

Bảng 1: Số liệu về thiệt hại do thiên tai gây ra hàng năm trong giai đoạn 2012-2018

Thiệt hại	Đơn vị	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
Người chết, mất tích	Người	45	31	0	10	44	33	7
Tài sản	Tỷ đồng	70	2.215	295	173	2.214	1.154	520

2. Về đảm bảo an ninh lương thực và tài nguyên nước

a. An ninh lương thực

Diện tích, tỷ lệ diện tích sản xuất nông nghiệp; Tổng sản lượng lương thực hàng năm; Bình quân lương thực đầu người/năm trong các năm 2012-2018 được thể hiện tại Bảng 2.

Bảng 2: Tổng diện tích, tỷ lệ diện tích sản xuất nông nghiệp qua các năm 2012-2018; Tổng sản lượng lương thực hàng năm trong giai đoạn 2012-2018; Bình quân lương thực đầu người/năm trong các năm 2012-2018.

Đơn vị tính: ha

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Tổng diện tích đất nông nghiệp	442.939	497.823	512.831	512.876	512.530	512.110	511.888
Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp (đất lúa, đất cây hàng năm và cây lâu năm)	130.269	131.236	138.970	138.953	137.650	137.087	136.730
Tỷ lệ diện tích đất dành cho sản xuất nông nghiệp (%)	29,41	26,36	27,10	27,09	26,86	26,77	26,71

Tổng sản lượng lương thực có hạt (lúa, ngô) (tấn)	697.717	654.016	696.023	707.640	688.317	715.389	715.337
Bình quân lương thực đầu người/năm (kg)	464	433	460	466	451	468	466

- Các mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện BDKH

+ Chuyển đổi cây trồng cạn trên đất lúa gắn với chuyển đổi cơ cấu giống, mùa vụ. Từ năm 2012 - 2018, chuyển đổi cây trồng cạn trên đất lúa với diện tích 15.003 ha.

+ Năm 2018 - 2019 đã thực hiện chuyển đổi 3.796 ha đất sản xuất 3 vụ lúa/năm sang sản xuất 2 vụ/năm. Ngoài ra, thực hiện các mô hình chuyển đổi diện tích trồng điều, sắn, mía... sang các cây rau màu có hiệu quả kinh tế cao hơn.

- Các giống cây trồng, vật nuôi có khả năng thích ứng với BDKH được đưa vào sản xuất

+ Phục tráng thành công giống lúa ĐV108 chịu mặn; sản xuất thử giống lúa chịu úng SHPT3 thích ứng với BDKH.

+ Sản xuất giống khảo nghiệm, sản xuất thử và đưa vào cơ cấu giống một số giống lúa có thời gian sinh trưởng ngắn phù hợp với BDKH như: TBR 36, PC6, SV181, ANS1, MT 10...

+ Đưa giống bò thịt chất lượng cao vào chương trình lai tạo bò giống của tỉnh (Red Angus, BBB); sử dụng lợn nái thuần hoặc nái lai dòng mẹ từ 2 giống khác nhau (Yorkshire và Landrace làm dòng mẹ); chọn lọc, cải tiến giống gà ta, gà nuôi thả vườn địa phương.

- Các mô hình sản xuất tiên tiến hướng đến nền sản xuất nông nghiệp tiên tiến, hiện đại

+ Mô hình Rau an toàn tỉnh Bình Định.

+ Chăn nuôi heo gà bằng hệ thống chuồng lạnh, cho ăn uống tự động, hệ thống dọn phân tự động

+ Sử dụng chế phẩm vi sinh AT-YTB để khử mùi hôi chuồng trại trong chăn nuôi heo.

+ Sử dụng máy tách phân heo sản xuất phân hữu cơ.

b. An ninh tài nguyên nước

- Tình hình sử dụng nước của địa phương trong giai đoạn 2012-2018 và dự báo trong giai đoạn tới

Theo Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Bình Định đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 - Nội dung phân bổ và bảo vệ tài nguyên nước mặt đã được

UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2584/QĐ-UBND ngày 01/8/2018 thì: hiện tại tổng nhu cầu nước cho các ngành là 1,07 tỷ m³. Trong đó, trồng trọt là ngành có nhu cầu nước cao nhất (936 triệu m³), chiếm 85,3% tổng nhu cầu sử dụng nước toàn tỉnh. Tiểu vùng hạ sông Kôn, sông Hà Thanh, sông La Tinh là các tiểu vùng có nhu cầu sử dụng nước lớn lần lượt chiếm 32,6 - 11,3 - 19,1% so với tổng nhu cầu sử dụng nước toàn tỉnh.

Bảng 3: Nhu cầu sử dụng nước cho các ngành, thời điểm hiện tại

(ĐVT: Triệu m³)

TT	Tiểu vùng quy hoạch	Tổng	Sinh Hoạt	Trồng trọt	Chăn nuôi	Công nghiệp	Thủy sản	Y tế	DV - DL	Môi trường
1	Thượng Sông Kôn	41,72	0,88	38,91	1,10	0,36	0,21	0,04	0,09	0,13
2	Trung Sông Kôn	69,78	1,93	64,16	1,66	1,26	0,23	0,06	0,19	0,29
3	Hạ Sông Kôn	349,80	13,70	302,55	4,78	12,61	12,28	0,45	1,37	2,05
4	Sông Hà Thanh	120,99	12,37	85,03	1,15	10,15	8,50	0,70	1,24	1,86
5	Thượng Lại Giang	33,61	0,84	31,15	1,10	0,15	0,14	0,02	0,08	0,13
6	Sông Kim Sơn	58,52	1,40	54,54	2,07	0,07	0,06	0,03	0,14	0,21
7	Hạ Lại Giang	61,50	2,31	54,76	1,16	0,63	1,99	0,07	0,23	0,35
8	Sông Thiện Chánh	61,50	2,31	54,76	1,16	0,63	1,99	0,07	0,23	0,35
9	Đầm Trà Ô và phụ cận	70,87	1,52	64,31	1,14	0,65	2,85	0,02	0,15	0,23
10	Sông La Tinh	205,53	4,81	186,04	3,53	3,31	6,56	0,07	0,48	0,72
Tổng		1.073,81	42,07	936,21	18,84	29,83	34,81	1,54	4,21	6,31

- Đến năm 2035, tổng nhu cầu sử dụng nước là 1,48 tỷ m³, trong đó trồng trọt là vẫn ngành có nhu cầu nước cao nhất (931 triệu m³), đứng thứ 2 là công nghiệp 338 triệu m³. Tiểu vùng hạ sông Kôn, sông Hà Thanh, sông La Tinh vẫn là các tiểu vùng có nhu cầu sử dụng nước lớn, lần lượt là 32,9 - 19,1 - 16,1% tổng nhu cầu sử dụng nước toàn tỉnh.

Bảng 4: Nhu cầu sử dụng nước cho các ngành năm 2035

(ĐVT: Triệu m³)

TT	Tiểu vùng QH	Tổng	Sinh Hoạt	Trồng trọt	Chăn nuôi	Công nghiệp	Thủy sản	Y tế	DV - DL	Môi trường
1	Thượng Sông Kôn	52,72	1,80	46,02	1,98	1,06	1,30	0,10	0,18	0,27
2	Trung Sông Kôn	103,58	3,91	72,39	2,74	21,95	1,45	0,17	0,39	0,59
3	Hạ Sông Kôn	487,44	26,07	299,83	9,43	112,49	31,89	1,21	2,61	3,91
4	Sông Hà Thanh	282,91	19,74	85,80	2,42	155,27	12,88	1,87	1,97	2,96

TT	Tiểu vùng QH	Tổng	Sinh Hoạt	Trồng trọt	Chăn nuôi	Công nghiệp	Thủy sản	Y tế	DV - DL	Môi trường
5	Thượng Lại Giang	43,22	1,64	37,32	2,21	0,72	0,87	0,06	0,16	0,25
6	Sông Kim Sơn	67,72	2,73	58,96	4,33	0,55	0,40	0,07	0,27	0,41
7	Hạ Lại Giang	68,76	4,61	52,96	2,80	3,39	3,65	0,20	0,46	0,69
8	Sông Thiện Chánh	68,76	4,61	52,96	2,80	3,39	3,65	0,20	0,46	0,69
9	Đầm Trà Ổ và phụ cận	67,77	2,98	55,45	2,01	2,62	3,92	0,05	0,30	0,45
10	Sông La Tinh	237,79	9,34	169,35	6,44	37,51	12,62	0,19	0,93	1,40
Tổng		1.480,67	77,44	931,04	37,16	338,94	72,62	4,11	7,74	11,62

- Tình hình thiếu nước sinh hoạt và nước sản xuất qua các năm 2012-2018

Từ năm 2012 đến năm 2018, nhiều năm Bình Định bị nắng hạn kéo dài, nhiều công trình cấp nước nhỏ lẻ hộ gia đình (giếng khoan, giếng đào) và một số công trình cấp nước tập trung bị khô hạn, gây thiếu nước sinh hoạt trên diện rộng, chủ yếu tập trung tại các huyện Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước, Tây Sơn, Vân Canh và thị xã An Nhơn...; cụ thể như bảng 5:

Bảng 5: Số hộ thiếu nước sinh hoạt từ năm 2012 đến năm 2018

ST T	Địa phương	Số hộ thiếu nước sinh hoạt từ năm 2012 đến năm 2018						
		Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	An Lão	100	88	200	530			
2	Hoài Ân				450	170		
3	Hoài Nhơn	850	1.500	2.300	2.400	9.800		
4	Phù Cát	870	1.150	1.500	1.370	777		770
5	Phù Mỹ	1.100	1.055	1.600	1.400	1.472		1.340
6	Tây Sơn	370	257	550	950			120
7	Tuy Phước	3.200	3.450	700	450			430
8	Vân Canh	1.200	1.250	1.100	450	182		742
9	Vĩnh Thạnh	330	184	250	450			
10	An Nhơn	180	1.000	700	600	218		110
11	Quy Nhơn		1.500		800			
Tổng		8.200	11.434	8.900	9.850	12.619	0	3.512

- Tình hình hạn hán qua các năm 2012-2018

Từ năm 2012-2018 đã có 69.241 ha đất sản xuất nông nghiệp bị hạn, thiếu nước, làm ảnh hưởng đến đời sống của người dân, cụ thể như bảng 6:

Bảng 6: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp bị hạn, thiếu nước

Năm	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	Tổng
Diện tích hạn (ha)	6.166	19.240	17.462	8.500	11.673	-	6.200	69.241

- Tình hình quy hoạch tài nguyên nước; công tác quản lý tổng hợp tài nguyên nước của địa phương trong giai đoạn 2012-2019

Thực hiện quy định của Luật Tài nguyên nước và các văn bản hướng dẫn thi hành UBND tỉnh đã chỉ đạo lập Quy hoạch tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; ngày 01/8/2018, UBND tỉnh ban hành Quyết định số: 2584/QĐ-UBND về việc Phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Bình Định đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 - Nội dung phân bổ và bảo vệ tài nguyên nước mặt; Mục tiêu chung: phân bổ tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Định đáp ứng các nhu cầu sử dụng nước; bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên nước mặt phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh từ nay đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035.

- Các mô hình sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên nước

+ UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện 20 mô hình canh tác lúa cải tiến trên 1.283 ha của 7 xã, thuộc 4 huyện theo “Chương trình hỗ trợ cộng đồng thích ứng và giảm thiểu rủi ro biến đổi khí hậu”, trong đó tưới hợp lý và tiết kiệm được coi là một trong các biện pháp canh tác cần thực hiện để tăng năng suất, giảm phát thải khí nhà kính.

+ Triển khai mô hình tưới tiết kiệm theo quy trình tưới “ướt khô xen kẽ” cho lúa đạt kết quả tốt, làm cơ sở tuyên truyền, nhân rộng góp phần chống hạn.

- Số lượng, tỷ lệ hồ chứa (thủy lợi, thủy điện) đã được cải tạo, nâng cấp, tu bổ và xây mới trong giai đoạn 2012-2019

Từ năm 2012 đến nay, tỉnh đã đầu tư, sửa chữa, nâng cấp 69 hạng mục công trình, hồ chứa đạt tỷ lệ 42%.

- Số lượng km, tỷ lệ đê sông, đê biển đã được cải tạo, nâng cấp, tu bổ và xây mới trong giai đoạn 2012-2019

Hệ thống đê kè sông Bình Định có tổng chiều dài khoảng 657 km; trong những năm 2012-2018 tỉnh đã được xây dựng kiên cố với tổng chiều dài 105 km, tập trung chủ yếu ở các sông lớn như sông Lại Giang, La Tinh, sông Côn, Hà Thanh và một số dòng suối chính.

3. Về ứng phó tích cực với nước biển dâng phù hợp với các vùng dễ bị tổn thương

- Đánh giá mức độ dễ tổn thương của BĐKH đến địa phương, các bản đồ dễ bị tổn thương do nước biển dâng

Ngày 10/10/2018, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3455/QĐ-UBND về việc phê duyệt Cập nhật kế hoạch hành động ứng BĐKH tỉnh Bình Định; các huyện: Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước và thành phố Quy Nhơn là địa bàn có nguy cơ dễ bị tổn thương do nước biển dâng.

- Tình hình xây dựng và thực hiện quy hoạch phát triển KT-XH phù hợp với điều kiện BĐKH, xâm nhập mặn và nước biển dâng

UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo công tác lập quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, các chương trình dự án giao thông, xây dựng, phát triển đô thị, khu dân cư . . . phải tính đến điều kiện BĐKH, xâm nhập mặn và nước biển dâng.

- Tình hình thực hiện các biện pháp chống ngập ở các thành phố, đô thị lớn của địa phương

Thành phố Quy Nhơn là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Bình Định, là địa bàn được triển khai Dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải – Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn với mục tiêu cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường, trong đó có giảm thiểu ngập lụt qua việc xây dựng các hệ thống công thu gom, thoát nước mưa và nước thải.

- Tình hình triển khai các mô hình sinh kế thích ứng với nước biển dâng

Một số dự án đã triển khai thí điểm mô hình nông nghiệp thích ứng với BĐKH như: mô hình chăn nuôi gà trên đệm lót sinh học; mô hình trồng nấm rơm; mô hình trồng rau trên dàn vượt lũ;... Qua kết quả mô hình, giúp người dân chủ động ứng phó với BĐKH; nâng cao hiệu quả sử dụng phế phẩm, giảm phát thải khí nhà kính từ hoạt động sản xuất nông nghiệp, góp phần cải thiện môi trường nông thôn; tạo ra công ăn việc làm kiếm thêm thu nhập vào mùa nông nhàn.

- Số lượng bản đồ ngập lụt do nước biển dâng đến cấp xã được cập nhật, xây dựng

Xây dựng bản đồ cảnh báo nguy cơ ngập lụt ứng với 3 mức báo động lũ tại phường Nhơn Bình, Nhơn Phú thuộc thành phố Quy Nhơn.

- Chiều dài, tỷ lệ các đoạn đê biển xung yếu đã được nâng cấp trong giai đoạn 2012 - 2019 trên địa bàn tỉnh

Giai đoạn 2012-2019, có 42.096 m (trong đó: đê: 39.308 m; kè: 2.778 m) các đoạn đê biển xung yếu được nâng cấp.

- Số lượng dự án đầu tư xây dựng chống xâm nhập mặn tại các vùng bị ảnh hưởng nặng nề nhất trong giai đoạn 2012-2019 của địa phương

+ Dự án Nâng cấp hệ thống Đê và trồng rừng ngập mặn để ứng phó với biến đổi khí hậu vùng đầm Thị Nại - tỉnh Bình Định.

+ Dự án đập ngăn mặn trên sông Lại Giang, ngăn mặn giữ ngọt cho 900ha đất nông nghiệp và cấp nước nuôi trồng thủy sản cho 155ha ở hạ lưu.

+ Đập Nha Phu trên sông Âm Phù; Đập An Thuận trên sông Tranh.

- Số lượng và tổng kinh phí cho các dự án đầu tư chống ngập tại các thành phố, đô thị lớn, các khu công nghiệp, các khu dân cư lớn từ năm 2012 đến nay

Thành phố Quy Nhơn là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Bình Định, là địa bàn được triển khai Dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải – Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn, tổng vốn đầu tư 55,304 triệu USD, trong đó vốn ODA 50.083 triệu USD và vốn đối ứng 5,221 triệu USD, thời gian thực hiện dự án năm 2017 - 2022. Mục tiêu của Dự án là cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường, trong đó có giảm thiểu ngập lụt qua việc xây dựng các hệ thống cống thu gom, thoát nước mưa và nước thải.

- Số lượng công trình quy mô lớn, đa mục tiêu, khu chứa nước, vùng đệm, vành đai xanh có được đầu tư xây dựng trong giai đoạn 2012- 2019 trên địa bàn tỉnh

+ Công trình Đập dâng Văn Phong: điều tiết nguồn nước từ Hồ chứa nước Định Bình phục vụ tưới tự chảy cho vùng khô hạn Tây Sơn, Phù Cát và Nam Phù Mỹ.

+ Hồ chứa nước Đồng Mít: cung cấp lượng nước tưới cho 6.742 ha đất canh tác; 147 ha nuôi trồng thủy sản; tạo nguồn cấp nước sinh hoạt cho 276.000 người; cải thiện môi trường sinh thái, chống xâm nhập mặn và cắt giảm lũ cho hạ du; góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội 4 huyện An Lão, Hoài Ân, Hoài Nhơn và Phù Mỹ; đồng thời kết hợp phát điện với công suất 7MW.

4. Về bảo vệ, phát triển bền vững rừng, tăng cường hấp thụ khí nhà kính (KNK) và bảo tồn đa dạng sinh học

- Tình hình công tác bảo vệ và phát triển rừng của địa phương qua các năm 2012-2019

Tỉnh đã quy hoạch được các khu rừng phòng hộ, rừng đặc dụng bảo đảm được chức năng phòng hộ và bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh; đã hình thành nhiều vùng trồng rừng nguyên liệu tập trung giúp nhân dân miền núi cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập, từng bước nâng cao độ che phủ rừng toàn tỉnh lên từ 48,2% năm 2012 lên 54,88% vào năm 2018 (tăng 6,68%).

- Diện tích các loại rừng qua các năm 2012-2018

Hiện trạng rừng của tỉnh từ năm 2012 đến năm 2018 được thể hiện như Bảng 7

Bảng 7: Diện tích các loại rừng qua các năm 2012-2018

Loại đất, loại rừng	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
1. Diện tích tự nhiên	605.057,8	605.057,8	605.057,8	607.133,4	607.133,3	607.133,3	607.133,3

Loại đất, loại rừng	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
1.1. Đất QH lâm nghiệp	383.908,2	383.787,1	383.580,4	387.541,0	394.025,4	393.978,1	393.915,2
a) Đất có rừng	301.306,5	307.343,1	310.634,7	321.799,3	350.653,4	350.707,6	350.705,8
- Diện tích rừng tự nhiên	204.246,4	204.793,4	204.922,4	207.477,0	216.346,7	216.412,9	215.873,1
- Diện tích rừng trồng	97.060,1	102.549,7	105.712,2	114.322,4	134.306,6	134.294,8	134.832,7
b) Đất chưa có rừng	82.601,7	76.444,0	72.945,8	65.741,7	43.372,1	43.270,5	43.209,4
1.2. Đất ngoài QHLN	221.149,6	221.270,7	221.477,3	219.592,4	213.107,9	213.155,2	213.218,1
a) Đất có rừng	3.428,0	4.515,6	6.010,8	7.695,8	32.943,0	21.453,5	22.817,8
- Diện tích rừng tự nhiên	0,0	0,0	0,0	0,0	1.004,8	1.001,0	999,7
- Diện tích rừng trồng	3.428,0	4.515,6	6.010,8	7.695,8	31.938,3	31.913,2	31.389,1
b) Đất khác không có rừng (đất NN, thổ cư,...)	217.721,6	216.755,1	215.466,6	211.896,6	180.164,9	180.241,0	180.829,3
2. Độ che phủ tỉnh Bình Định (%)	48,20	48,80	49,90	52,20	52,50	53,95	54,88

- Diện tích và tỷ lệ rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững

Tổng diện tích rừng được cấp chứng chỉ rừng: 10.115,41 ha, chiếm 2,57% diện tích quy hoạch đất lâm nghiệp (theo kết quả diễn biến rừng tính đến 31/12/2018), trong đó: các hộ tham gia trồng rừng thuộc dự án WB3: 352,8 ha (183 hộ); Công ty TNHH Trồng rừng Quy Nhơn (Nhật Bản): 9.762,61 ha.

- Số lượng và diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên qua các năm 2012-2018

Theo Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày 11/3/2013 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch Bảo tồn và Phát triển bền vững Khu Bảo tồn thiên nhiên An Toàn, tỉnh Bình Định đến năm 2020; Quyết định số 4854/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Bình Định giai đoạn 2018-2025, định hướng đến năm 2030, thì diện tích các khu rừng đặc dụng như sau:

+ Khu Bảo tồn thiên nhiên An Toàn, huyện An Lão: 22.682,09 ha;

+ Khu rừng lịch sử cảnh quan Quy Hòa – Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn:

+ Khu rừng lịch sử, văn hóa, cảnh quan Vườn Cam – Nguyễn Huệ, huyện Vĩnh Thạnh: 209,82 ha;

+ Khu rừng lịch sử, văn hóa, cảnh quan Núi Bà, huyện Phù Cát: 8.308,39 ha.

- Tình hình triển khai các biện pháp phòng và ứng phó với cháy rừng trong giai đoạn 2012-2019: Diện tích rừng bị cháy qua các năm; số vụ cháy rừng qua các năm 2012- 2018

+ Thành lập, kiện toàn Ban Chỉ huy bảo vệ rừng và PCCCR cấp huyện, xã và các tổ bảo vệ rừng và PCCCR cộng đồng; thường xuyên tuần tra, kiểm tra các khu vực trọng điểm về cháy rừng và trực, canh gác 24/24 giờ trong suốt mùa khô và thường xuyên tuần tra nhằm đảm bảo phát hiện sớm các vụ cháy; Chỉ đạo Đài Phát thanh huyện, xã tăng thời lượng đưa tin dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng để các địa phương biết, chủ động phòng ngừa.

+ Các Công ty TNHH Lâm nghiệp, các Ban Quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng thành lập các tổ PCCCR và chỉ đạo các hộ nhận khoán thường xuyên tuần tra, kiểm tra các khu vực trọng điểm có nguy cơ cháy cao để phát hiện sớm cháy rừng và chữa cháy kịp thời khi xảy ra cháy rừng.

+ Triển khai mô hình “Cộng đồng tham gia phòng cháy, chữa cháy rừng Núi Bà Hỏa, thành phố Quy Nhơn” thuộc Dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2014-2016”.

+ Diện tích, số vụ cháy rừng được thể hiện như bảng 8

Bảng 8: Diện tích, số vụ cháy rừng từ năm 2012-2019

Năm	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	9/2019	Tổng cộng
Số vụ	30	7	57	25	45	8	14	21	207
Diện tích (ha)	132,6	6,87	414,24	114,21	182,23	23,20	32,05	169,56	1.074,96

5. Về giảm nhẹ phát thải KNK góp phần bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất

a. Về năng lượng tái tạo, năng lượng mới

- Tình hình phát triển thủy điện địa phương: Số lượng và công suất các nhà máy thủy điện được quy hoạch đến năm 2020; số lượng và tổng công suất các nhà máy thủy điện đã đi vào vận hành (giai đoạn 2012-2019) trên địa bàn tỉnh

Số lượng các nhà máy thủy điện được quy hoạch đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh gồm 17 dự án thủy điện, trong đó có 8 dự án nhà máy thủy điện với tổng công suất 157,9MW đã đi vào vận hành (giai đoạn 2012-2019) gồm các Nhà máy Thủy điện: Trà Xom công suất 20MW, Vĩnh Sơn 5 công suất 28MW,

Ken Lút Hạ công suất 6MW, Nước Xáng công suất 12,5MW, Vĩnh Sơn công suất 66MW, Văn Phong công suất 6MW, Định Bình công suất 9,9MW, Tiên Thuận công suất 9,5MW.

- Tình hình phát triển năng lượng gió, năng lượng mặt trời của; số lượng và công suất được quy hoạch đến năm 2020; số lượng và công suất các dự án đã xây dựng

- + Điện mặt trời: đến nay có 5 dự án điện mặt trời với tổng công suất 529,5MWp, trong đó có 2 dự án đã đi vào vận hành, cụ thể: Nhà máy điện mặt trời Cát Hiệp công suất 49,5MWp, Nhà máy điện mặt trời Fujiwara Bình Định công suất 50MWp; 03 dự án còn lại đang hoàn thành các thủ tục để triển khai thi công.

- + Điện gió: đến nay có 3 dự án điện gió với tổng công suất 112,1MW, cụ thể các Nhà máy điện gió: Phương Mai 1 công suất 30MW, Phương Mai 3 công suất 21MW và nhà máy phong điện Nhơn Hội công suất 61,1MW. Hiện nay Nhà máy điện gió Phương Mai 1 và Phương Mai 3 đang triển khai thi công, dự kiến nhà máy điện gió Phương Mai 3 sẽ vận hành phát điện vào tháng 11/2019 và nhà máy điện gió Phương Mai 1 sẽ vận hành phát điện vào tháng 3/2020.

b. Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng

- Tình hình thực hiện các chương trình, dự án, biện pháp sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng của địa phương trong giai đoạn 2012-2019

Trong giai đoạn 2013 - 2018, Sở Công Thương đã tổ chức 10 lớp tập huấn, phát hành 4.000 quyển cẩm nang về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Xây dựng các mô hình: tiết kiệm điện hộ gia đình; quản lý năng lượng cho các tòa nhà, công trình chiếu sáng công cộng; sử dụng năng lượng mặt trời hòa lưới điện.

- Trong giao thông vận tải:

- + Tỷ lệ xe buýt và xe taxi sử dụng nhiên liệu thân thiện môi trường (CNG, LPG) trên địa bàn: Trên địa bàn thành phố Quy Nhơn hiện đã sử dụng một số xe taxi điện để chở khách du lịch.

- + Tỷ lệ đảm nhận vận tải hành khách công cộng của hệ thống giao thông công cộng trên địa bàn tỉnh trong các năm 2012 - 2019: 5%.

- + Tỷ lệ gia tăng phương tiện giao thông cá nhân trong giai đoạn 2012 - 2019: 20% /năm.

- Tình hình thay đổi phương thức canh tác nông nghiệp, sử dụng nước, phân bón, thức ăn chăn nuôi phù hợp, quản lý và xử lý chất thải trong chăn nuôi, phát triển sử dụng khí sinh học làm nhiên liệu, hạn chế và loại bỏ dần các máy nông nghiệp lạc hậu tiêu thụ nhiều năng lượng

- + Về phương thức canh tác nông nghiệp

Xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất tiến tiến vào sản xuất, góp phần giảm nhẹ phát thải khí nhà kính như: quy trình canh tác lúa cải tiến SRI; quy trình canh tác “3 giảm, 3 tăng”; “5 giảm, 1 phải”; IPM, ICM...

Xây dựng và duy trì những cánh đồng mẫu lớn.

Tận dụng phế phụ phẩm trồng trọt vào chăn nuôi: rơm, rạ, cây bắp, cây họ đậu dùng làm thức ăn cho trâu, bò...

Sử dụng Biogas làm chất đốt.

- Số lượng hầm biogas từ chất thải vật nuôi được xây dựng

Dự án Hỗ trợ Nông nghiệp Các bon thấp do Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) tài trợ đã hỗ trợ xây dựng được 9.022 hầm biogas trên địa bàn 11 huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh.

- Số lượng mô hình sản xuất nông nghiệp xanh/nông nghiệp hữu cơ đã áp dụng trong các năm 2012-2018

Mô hình thử nghiệm trồng rau hữu cơ theo công nghệ Nhật tại thôn Thiết Trụ, xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn; đến nay, diện tích trồng rau 7.100 m², sản xuất thử nghiệm với 23 chủng loại rau.

- Tình hình thực hiện quản lý chất thải rắn ở địa phương: Tỷ lệ rác được thu gom, xử lý; tỷ lệ tái chế, tái sử dụng; tỷ lệ chôn lấp; tỷ lệ được chế biến làm phân bón vi sinh; tỷ lệ đốt; tỷ lệ đốt kết hợp phát điện

Ngày 27/8/2009, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 637/QĐ-UBND tỉnh về việc Phê duyệt Quy hoạch tổng thể quản lý chất thải rắn đô thị và khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020. Theo Quy hoạch, toàn tỉnh Bình Định có 15 bãi chôn lấp (BCL) CTRSH hợp vệ sinh (trong đó, thành phố Quy Nhơn, huyện Phù Mỹ, Hoài Nhơn, Phù Cát và Tây Sơn được quy hoạch 02 BCL; các huyện còn lại được quy hoạch 01 BCL; riêng huyện Tuy Phước CTRSH được thu gom chung với thành phố Quy Nhơn nên không quy hoạch BCL.

Phần lớn các địa phương đã quy hoạch và xây dựng BCL CTR phù hợp về mặt địa điểm theo Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 27/8/2009 của UBND tỉnh. Tuy nhiên, công nghệ xử lý chủ yếu vẫn là chôn lấp và phần lớn các BCL không đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường. Việc đầu tư xây dựng các BCL hợp vệ sinh đòi hỏi kinh phí lớn, ngân sách địa phương khó đáp ứng. Một số BCL CTR tự phát đã dừng hoạt động nhưng chưa thực hiện các thủ tục đóng cửa BCL theo quy định cũng như đánh giá nguy cơ tiềm ẩn gây ô nhiễm môi trường. Do đó, mục tiêu đề ra đến năm 2020 trên địa bàn toàn tỉnh có 14 khu xử lý CTR hợp vệ sinh tại các huyện, thành phố và 01 khu liên hợp xử lý CTR tại xã Cát Nhơn, Phù Cát là khó đạt được về yêu cầu kỹ thuật.

Khối lượng CTRSH phát sinh tại khu vực đô thị trên toàn tỉnh khoảng 500 tấn/ngày, tại vùng nông thôn ước tính phát sinh khoảng 420 tấn/ngày. Tỷ lệ thu gom CTRSH đạt tỷ lệ khá cao tại một số địa phương như thành phố Quy Nhơn

(91% toàn thành phố và 100% tại nội thành) và thị trấn Bồng Sơn (90%). Đối với các huyện, thị xã còn lại, tỷ lệ thu gom đạt khoảng 70% tại các thị trấn, khu đô thị và các trục đường chính dọc Quốc lộ 1A, Quốc lộ 19 và khoảng 40 % tại các khu vực nông thôn, các xã vùng sâu, vùng xa. Một số địa bàn cấp xã đã tổ chức hoạt động thu gom CTRSH (Hoài Châu Bắc đạt 30%, Hoài Hảo đạt 80%, Phước Hưng đạt 80%, Tây Thuận đạt 53%, Tây Phú đạt 95%,...), còn lại phần lớn các địa phương (cấp xã) chưa tổ chức được mạng lưới thu gom.

- Các dự án ứng dụng công nghệ tiên tiến để xử lý chất thải rắn

Đến thời điểm hiện tại, trên địa bàn tỉnh có 03 nhà máy sản xuất phân compost đang hoạt động: Nhà máy chế biến và xử lý rác thải sinh hoạt tại xã Hoài Thanh, huyện Hoài Nhơn của Công ty TNHH Chế biến rác thải Duy Anh công suất khoảng 10 tấn/ngày; Nhà máy chế biến phân compost của Hợp tác xã nông nghiệp Nhơn Phú tại phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn công suất khoảng 01tấn/ngày và Nhà máy phân compost Long Mỹ của Công ty CP Môi trường đô thị Quy Nhơn tại thôn Thanh Long, xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn, công suất khoảng 05 tấn/ngày.

6. Về tăng cường vai trò chủ đạo của Nhà nước trong ứng phó với BĐKH

- Tình hình rà soát, điều chỉnh, lồng ghép BĐKH vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển của địa phương trong giai đoạn 2012-2019

Trong năm 2017-2018, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì, rà soát điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020, trong đó đã đề xuất định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu.

- Mô tả về tổ chức bộ máy về ứng phó với BĐKH của địa phương

Văn phòng Điều phối về Biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định (gọi tắt là CCCO Bình Định) được thành lập theo Quyết định số 2735/QĐ-CTUBND ngày 24/11/2010, kiện toàn theo Quyết định số 08/QĐ-CTUBND ngày 04/01/2013 là cơ quan tham mưu UBND tỉnh trong việc xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó biến đổi khí hậu và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt; điều phối trong việc xây dựng các đề xuất dự án kêu gọi tài trợ về BĐKH.

Hiện Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường kiêm nhiệm Giám đốc CCCO Bình Định, có 04 chuyên viên và 01 kế toán.

- Tình hình ban hành các văn bản về ứng phó với BĐKH của địa phương: Kế hoạch ứng phó với BĐKH, Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh và Kế hoạch phòng chống thiên tai; Kế hoạch thực thi thỏa thuận Paris, Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW,...

Các văn bản về ứng phó với BĐKH được UBND tỉnh ban hành, gồm:

+ Quyết định số 1700/CTUBND ngày 16/8/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 4851/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2020.

+ Quyết định số 2773/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

+ Quyết định số 4708/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Quyết định số 3455/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Cập nhật kế hoạch hành động ứng phó BĐKH tỉnh Bình Định.

+ Quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động về ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành y tế tỉnh Bình Định giai đoạn 2019 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

+ Tờ trình số 82/TTr-UBND ngày 01/8/2019 của UBND tỉnh gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đề xuất nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của tỉnh Bình Định, gồm 30 nhiệm vụ, dự án, tổng kinh phí 397,8 tỷ đồng.

7. Về xây dựng cộng đồng ứng phó hiệu quả với BĐKH

a. Cộng đồng ứng phó

- Tình hình triển khai xây dựng các mô hình cộng đồng ứng phó với BĐKH trong giai đoạn 2012-2018

Một số các mô hình cộng đồng ứng phó BĐKH được thực hiện thông qua các dự án sau:

+ Dự án giảm thiểu rủi ro ngập lụt cho người dân sống ở vùng hạ lưu Sông Kôn - sông Hà Thanh thành phố Quy Nhơn (dự án cảnh báo lũ sớm) do Quỹ Rockefeller tài trợ, thực hiện năm 2014 - 2016. Dự án gồm các hợp phần chủ yếu, như: lắp đặt hệ thống thông tin cảnh báo và ứng phó với lũ tại cộng đồng; các biện pháp chuẩn bị ứng phó với lũ tại cộng đồng; cung cấp thông tin kịp thời về tình trạng ngập lụt trên hệ thống sông Kôn và sông Hà Thanh; xây dựng hệ thống và quy trình cần thiết để cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin về ngập lụt cho người dân ở những vùng trũng thấp; áp dụng hệ thống cảnh báo mực nước sông trong cộng đồng; xây dựng bản đồ ngập cho một số địa phương; xây nhà an toàn, cải thiện nguồn nước sạch...

+ Dự án Lá chắn xanh, tăng cường khả năng ứng phó của cộng đồng ven biển trước những tác động của thiên tai do tổ chức CRS tài trợ (dự án trồng rừng ngập mặn, phòng chống chống bão, lũ), thực hiện năm 2013-2014. Dự án có 5 nhóm hoạt động chính: nâng cao năng lực cộng đồng phòng tránh giảm

nhẹ thiên tai; cảnh báo sớm thiên tai; bảo vệ sinh kế cộng đồng; Phòng tránh giảm nhẹ thiên tai trong trường học; trồng và bảo vệ rừng ngập mặn.

- Tình hình triển khai các mô hình sinh kế thích ứng với BĐKH tại địa phương

Dự án nhân rộng mô hình trồng lúa chịu úng do các xã ven đồng bằng thực hiện, do tổ chức quỹ Môi trường toàn cầu tài trợ (GES) liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật tỉnh Bình Định làm đầu mối triển khai.

- Các mô hình cộng đồng có sinh kế theo hướng các-bon thấp và các sáng kiến thay đổi hành vi, lối sống theo hướng thân thiện với khí hậu nhằm giảm phát thải KNK

Về xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp các bon thấp, gồm một số mô hình:

+ Mô hình Sử dụng hệ thống máy tách phân để xử lý chất thải chăn nuôi làm nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ quy mô trang trại; mô hình thực hiện tại 4 trang trại.

+ Mô hình máy phát điện bằng khí sinh học triển khai tại trang trại Huy Tuyệt xã Ân Tường Đông, huyện Hoài Ân, Bình Định.

+ Mô hình quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi thông qua ứng dụng công nghệ máy phát điện khí sinh học, máy tách phân tại trang trại Thành Phú, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.

+ Mô hình sử dụng hệ thống máy tách phân di động để xử lý chất thải chăn nuôi làm nguyên liệu sản xuất phân bón hữu cơ quy mô nhóm hộ.

+ Mô hình chăn nuôi gà trên đệm lót sinh học và mô hình trồng nấm rơm tại thôn Diêm Vân, Bình Thái, Lộc Hạ, Nhân Ân thuộc xã Phước Thuận và thôn Vinh Quang 2 thuộc xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước.

+ Mô hình trồng rau trên dàn vượt lũ triển khai tại phường Nhơn Bình, Nhơn Phú thuộc thành phố Quy Nhơn

+ Các mô hình sử dụng kiến thức, tri thức bản địa trong ứng phó với BĐKH, đặc biệt trong xây dựng các sinh kế mới theo hướng các-bon thấp.

b. Nâng cấp hệ thống chăm sóc sức khỏe cộng đồng

- Tình hình thực hiện nâng cấp hệ thống y tế, chăm sóc sức khỏe của địa phương ứng phó với BĐKH: Số lượng công trình, hạ tầng y tế trọng điểm qua các năm; tỷ lệ người dân được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cơ bản qua các năm.

Ngày 05/6/2019, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1879/QĐ-UBND về Kế hoạch hành động về ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành y tế tỉnh Bình Định giai đoạn 2019 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 với mục tiêu chung: Nâng cao khả năng ứng phó với BĐKH của ngành y tế nhằm phòng ngừa, giảm thiểu các yếu tố nguy cơ của môi trường, biến đổi khí hậu ảnh hưởng tới sức

khỏe con người; góp phần bảo vệ và nâng cao sức khỏe người dân tỉnh Bình Định, trong đó có mục tiêu cụ thể: ít nhất 80% cơ sở y tế xây mới có áp dụng các giải pháp nhằm ứng phó với các tác động của biến đổi khí hậu; 70% trạm y tế xã, phường, thị trấn tại các địa bàn dễ bị ảnh hưởng do tác động của biến đổi khí hậu có đủ năng lực và cơ sở vật chất đảm bảo đáp ứng một cách có hiệu quả với các tình huống thiên tai và thời tiết cực đoan.

c. Nâng cao nhận thức, giáo dục và đào tạo

Các chương trình dự án luôn có các hoạt động truyền thông; thông qua các chương trình, dự án, truyền thông đã nâng cao được ý thức của một bộ phận nhân dân trong việc phòng chống thiên tai, ứng phó với BĐKH, giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường.

8. Về phát triển khoa học- công nghệ tiên tiến trong ứng phó với BĐKH

- Tình hình chuyển giao công nghệ và ứng dụng hiệu quả các thành tựu khoa học, công nghệ hiện đại trong giảm phát thải KNK và thích ứng với BĐKH tại địa phương: Các mô hình điển hình về chuyển giao, ứng dụng công nghệ hiện đại về giảm phát thải khí nhà kính và thích ứng với BĐKH

Một số nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh liên quan đến BĐKH:

+ Nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ: “Nghiên cứu thiết lập và đánh giá chỉ số tổn thương xã hội do ngập lụt trong bối cảnh biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Bình Định”, thời gian thực hiện từ 12/2017 đến 12/2019, Cơ quan chủ trì: Chi cục Bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường.

+ Nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ “Xây dựng cơ sở dữ liệu và công cụ phục vụ quản lý hệ thống đê điều tỉnh Bình Định”, thời gian thực hiện từ 12/2016 đến 12/2018, Cơ quan chủ trì: Chi cục Thủy lợi.

+ Đề án “Thí điểm Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng lò đốt rác thải sinh hoạt thông thường quy mô liên xã trên địa bàn tỉnh Bình Định - Triển khai tại huyện An Lão” thời gian thực hiện 2019-2020, Chủ đầu tư: UBND huyện An Lão.

9. Về tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế trong ứng phó với BĐKH

- Tình hình hợp tác quốc tế trong ứng phó với BĐKH của địa phương: Số lượng và tên các dự án hợp tác quốc tế trong lĩnh vực BĐKH của địa phương trong giai đoạn 2012-2019

+ Tham gia Mạng lưới các thành phố ở Châu Á có khả năng chống chịu với BĐKH (ACCCRN) do Quỹ Rockefeller tài trợ, triển khai trên địa bàn thành phố Quy Nhơn - tỉnh Bình Định từ năm 2009.

+ Triển khai dự án Thích ứng với BĐKH và nước biển dâng tại khu vực ven biển và đảo Việt Nam, triển khai thí điểm tại xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước. Dự án này do Quỹ Phát triển Quốc tế Úc (AusAID) tài trợ thông qua Tổ

chức Úc vì nhân dân Châu Á – Thái Bình Dương (AFAP) năm 2010.

- + Phối hợp với Viện Chiến lược và Chính sách Khoa học và Công nghệ (NISTPASS) thực hiện dự án “Diễn đàn tri thức về Thích ứng với Biến đổi khí hậu của Châu Á”- Hợp phần tỉnh Bình Định (2010).

- + Dự án Nghiên cứu tác động của ngập lụt đến quy hoạch phát triển đô thị phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn trong bối cảnh BĐKH do Quỹ Rockefeller tài trợ.

- + Dự án Dịch vụ hệ sinh thái tạo khả năng chống chịu với BĐKH ở thành phố Quy Nhơn do Quỹ Rockefeller tài trợ.

- + Dự án Giảm thiểu rủi ro ngập lụt cho người dân ở vùng hạ lưu sông Hà Thanh và sông Kôn, thành phố Quy Nhơn do Quỹ Rockefeller tài trợ.

- + Dự án Mô hình truyền thông về rủi ro do BĐKH và thích ứng tại các cộng đồng ven biển và châu thổ Việt Nam do Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Quốc tế (IDRC), Canada tài trợ.

- + Dự án Lá chắn xanh: Tăng cường khả năng ứng phó của cộng đồng ven biển trước những tác động của thiên tai do tổ chức CRS và USAID tài trợ.

- + Dự án Chiến lược mới nhằm tái tạo tự nhiên cho các thành phố dựa vào thiên nhiên – URBAN GreenUP do Ủy ban Châu Âu tài trợ.

10. Về đa dạng hóa các nguồn lực tài chính và tập trung đầu tư có hiệu quả

- Tình hình đầu tư cho ứng phó với BĐKH của địa phương: Kinh phí từ ngân sách Nhà nước; từ nguồn hợp tác quốc tế; từ tư nhân

Thời gian qua UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, đơn vị liên quan xây dựng, thực hiện một số Dự án, nhiệm vụ giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tăng trưởng xanh; thích ứng với biến đổi khí hậu, gồm:

- + Dự án Thí điểm mô hình tăng trưởng xanh trong sản xuất cây thâm canh có múi, thí điểm đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm trên cây trồng cận để ứng phó với tình hình nắng hạn tại Bình Định, tổng kinh phí 57,934 tỷ đồng (trong đó vốn Trung ương 50 tỷ đồng, vốn đối ứng của tỉnh 7,934 tỷ đồng); hiện dự án đang triển khai thi công, dự kiến tháng 10/2020 hoàn thành.

- + Dự án Đập ngăn mặn trên sông Lại Giang được phê duyệt với tổng mức đầu tư 220 tỷ đồng (trong đó vốn Trung ương 176,650 tỷ đồng, vốn đối ứng của tỉnh 43,350 tỷ đồng); hiện đã ký hợp đồng, đang thi công xây dựng, dự kiến hoàn thành tháng 12/2020.

- + Dự án Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại làng nghề sản xuất bún tươi thôn Ngãi Chánh, xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn trong khuôn khổ Quỹ hỗ trợ tăng trưởng xanh (GGSF) có tổng vốn đầu tư 288.000 UER với 200.000UER là vốn tài trợ và 88.000UER là vốn đối ứng của địa phương; hiện nay dự án đã hoàn thành và đi vào hoạt động.

+ Nhiệm vụ Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 của tỉnh Bình Định, tổng kinh phí 1.170.000 đồng, trong đó vốn Trung ương 1.000.000.00 đồng, vốn đối ứng của tỉnh 170.000.000 đồng; hiện nay đã ký hợp đồng với đơn vị tư vấn thực hiện, dự kiến tháng 4/2020 hoàn thành.

+ Nhiệm vụ Đánh giá khí hậu tỉnh Bình Định tổng kinh phí 463.910.000 đồng, trong đó vốn Trung ương 400.000.00 đồng, vốn đối ứng của tỉnh 63.910.000 đồng; hiện nay đã ký hợp đồng với đơn vị tư vấn, dự kiến hoàn thành vào tháng 12/2019.

+ Quyết định số 2773/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 về việc ban hành Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh với tổng kinh phí là 14.731 tỷ đồng nguồn vốn ngân sách Trung ương, vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác, trong đó:

Danh mục các chương trình, dự án giảm phát thải khí nhà kính: kinh phí thực hiện giai đoạn 2017-2020 là 4.418 tỷ đồng; kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025 là 8.728 tỷ đồng.

Danh mục các chương trình, dự án xanh hóa sản xuất: kinh phí thực hiện giai đoạn 2017 – 2025 là 1.380 tỷ đồng.

Danh mục các chương trình, dự án xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững: kinh phí thực hiện giai đoạn 2017 – 2025 là 205 tỷ đồng.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

- Chủ động ứng phó với thiên tai và giám sát khí hậu

Hàng năm, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp đã được kiện toàn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Luật Phòng chống thiên tai; Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp tỉnh có Văn phòng thường trực giúp việc cho Ban Chỉ huy có hiệu quả.

Xây dựng các kế hoạch ứng phó khẩn cấp khu vực hạ du các hồ chứa lớn; xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai giai đoạn 2016-2020 và cập nhật hàng năm để các địa phương chủ động triển khai thực hiện. Các công trình phòng chống thiên tai: Đê, kè, đập ngăn mặn, an toàn hồ chứa, tưới tiết kiệm, khu tránh trú bão cho tàu cá... được triển khai theo kế hoạch.

- Đảm bảo an ninh lương thực và tài nguyên nước

Trong giai đoạn 2012 - 2018, năng suất sản lượng cây trồng đều tăng, nhất là sản lượng lương thực có hạt, góp phần đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn tỉnh.

Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất đã đưa sản xuất lương thực của tỉnh phát triển toàn diện trên nhiều lĩnh vực cả về diện tích, năng suất, chất lượng và hiệu quả, góp phần quan trọng đưa kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển ổn định.

Có nhiều mô hình sản xuất đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới, góp phần đảm bảo lương thực và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường.

- Ứng phó tích cực với nước biển dâng phù hợp với các vùng dễ bị tổn thương

Các dự án mới được triển khai như hệ thống ngăn mặn đê Đông, các đập ngăn mặn đã phát huy hiệu quả trong việc ngăn mặn, giữ ngọt phục vụ sản xuất.

- Bảo vệ, phát triển bền vững rừng, tăng cường hấp thụ KNK và bảo tồn đa dạng sinh học

Công tác quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng đã có những chuyển biến tích cực và đạt được những kết quả đáng ghi nhận; ý thức, trách nhiệm của người dân về công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng được nâng lên; các cấp, các ngành ngày càng thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp; nhiều biện pháp cương quyết về bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và được tổ chức thực hiện. Tình hình vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng giảm đáng kể.

Thu hút đầu tư, phát triển các dự án năng lượng sạch, năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh như năng lượng gió, năng lượng mặt trời (kết quả đã có 02 dự án điện mặt trời đã đi vào hoạt động, 03 dự án điện mặt trời và 03 dự án điện gió khác đang trong quá trình triển khai thi công); thúc đẩy tiêu thụ năng lượng sạch thân thiện với môi trường (xăng sinh học E5).

- Giảm nhẹ phát thải KNK góp phần bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất

Thực hiện các Dự án trồng rừng ngập mặn, tạo đê mềm chắn sóng, nước dâng, tăng cường khả năng hấp thụ CO₂, tạo sinh kế cho người dân.

- Tăng cường vai trò chủ đạo của Nhà nước trong ứng phó với BĐKH

UBND tỉnh xây dựng, ban hành kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris; chỉ đạo các sở, ngành, đơn vị liên quan xây dựng, thực hiện một số Dự án, nhiệm vụ giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tăng trưởng xanh; thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Xây dựng cộng đồng ứng phó hiệu quả với BĐKH

Đã thực hiện việc chuyển đổi sang các mô hình sản xuất thích hợp với điều kiện khí hậu, đất đai. Sử dụng các giống cây trồng vật nuôi có khả năng chịu mặn, các giống ngắn ngày tránh lũ, xây dựng các mô hình nhà tránh lũ...

- Tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế nâng cao vị thế quốc gia trong các vấn đề về BĐKH

Từ năm 2010, đã thành lập Văn phòng Điều phối về Biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định (gọi tắt là CCCO Bình Định) thực hiện chức năng tham mưu UBND tỉnh trong việc xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó biến đổi khí hậu và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt; điều phối

trong việc xây dựng các đề xuất dự án kêu gọi tài trợ về BĐKH.

- Đa dạng hóa các nguồn lực tài chính và tập trung đầu tư có hiệu quả

2. Các hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

a Hạn chế yếu kém

- Chủ động ứng phó với thiên tai và giám sát khí hậu

+ Tình hình thiên tai trong các năm gần đây diễn biến ngày càng phức tạp về quy mô, cường độ. Trong khi cơ sở vật chất, trang thiết bị, công cụ hỗ trợ hoạt động của các cơ quan phòng, chống thiên tai còn thiếu, chưa được quan tâm đầu tư đúng mức; đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác PCTT các cấp còn thiếu, năng lực còn hạn chế.

+ Người dân vùng sâu, vùng xa chưa được nhận thông tin đầy đủ về diễn biến thiên tai; nhiều trường hợp đuối nước do chủ quan, bất cẩn, thiếu kỹ năng ứng phó.

+ Nhiều công trình, dự án làm gia tăng rủi ro thiên tai; một số đoạn đường giao thông, khu công nghiệp, đô thị mới gây cản trở thoát lũ.

+ Nguồn lực hỗ trợ cho công tác phục hồi, tái thiết sau thiên tai còn rất hạn chế, nhất là hỗ trợ khắc phục công trình cấp nước sạch, giao thông, thủy lợi.

- Đảm bảo an ninh lương thực và tài nguyên nước

+ Sản xuất lương thực tiếp tục phát triển nhưng còn mang tính nhỏ lẻ, phân tán, chất lượng và sức cạnh tranh sản phẩm chưa cao, luôn phải đối mặt với nhiều rủi ro về thiên tai, dịch bệnh, thị trường.

+ Năng suất, chất lượng một số cây trồng tăng nhưng vẫn chưa tương xứng so với tiềm năng; sản xuất lương thực còn phụ thuộc nhiều vào thời tiết, thị trường;

+ Các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp xanh/nông nghiệp hữu cơ gặp nhiều khó khăn.

- Ứng phó tích cực với nước biển dâng phù hợp với các vùng dễ bị tổn thương

Tình hình triển khai một số dự án đề điều cấp bách chưa đảm bảo theo tiến độ do cần nguồn lực lớn, trong khi ngân sách còn hạn chế. Việc đầu tư các công trình còn mang tính bị động. Đặc biệt chưa quan tâm đầu tư đến các trục thoát nước vùng trũng thấp và tiêu bằng động lực.

- Bảo vệ, phát triển bền vững rừng, tăng cường hấp thụ KNK và bảo tồn đa dạng sinh học

+ Mặc dù đã có nhiều giải pháp, biện pháp quyết liệt kịp thời trong lãnh đạo, chỉ đạo nhưng cháy rừng, phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp vẫn đang xảy ra ở một số địa phương; các hoạt động săn bắn, mua bán các loại động vật vẫn còn diễn ra.

+ Các vụ cháy rừng, phá rừng chưa điều tra được đối tượng để xử lý. Một số chính quyền địa phương, chủ rừng và các ngành chức năng trên địa bàn huyện chưa có biện pháp ngăn chặn hiệu quả.

+ Phần lớn các biện pháp xử phạt hành chính về phá rừng không thực hiện được vì các đối tượng chủ yếu là người dân nghèo, cận nghèo, đời sống khó khăn, khi bị xử phạt hành chính thì khó khăn, không có tài sản để cưỡng chế, thi hành quyết định xử phạt hành chính nên việc xử phạt chưa mang tính răn đe, giáo dục cao.

- Tăng cường vai trò chủ đạo của Nhà nước trong ứng phó với BĐKH

Tuy đã rất cố gắng và chủ động thực hiện các hoạt động thích ứng với BĐKH, nhưng những thiếu hụt về năng lực và nguồn lực của tỉnh để thực hiện các giải pháp thích ứng với BĐKH là thách thức đối với vai trò chỉ đạo của Nhà nước trong ứng phó với BĐKH.

- Tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế nâng cao vị thế quốc gia trong các vấn đề về BĐKH

Thiếu hụt đội ngũ chuyên gia, cán bộ kỹ thuật chuyên sâu ở cấp địa phương về BĐKH và đánh giá hiệu quả các hoạt động thích ứng.

b. Nguyên nhân của các hạn chế, yếu kém

- Tuy đã có những chính sách, kế hoạch và chương trình thích ứng với BĐKH và đã cố gắng tập trung nguồn lực để thực hiện, nhưng nguồn lực nhà nước không đảm bảo đáp ứng nhu cầu về xây dựng, nâng cấp các công trình phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Thiếu các phương thức khuyến khích, thu hút đầu tư, huy động doanh nghiệp tham gia các hoạt động thích ứng BĐKH.

III. ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2030

1. Giải pháp chính sách

Xây dựng Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2025 dựa trên kết quả đạt được đến năm 2020 và mục tiêu của Chiến lược (cần thiết phải nâng thành Chương trình mục tiêu quốc gia để huy động nhiều nguồn lực để đạt được mục tiêu).

2. Giải pháp tài chính, kỹ thuật

Trên cơ sở các nhóm nhiệm vụ tại Quyết định số 2053/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 4708/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên để công tác triển khai thực hiện đảm bảo tính thực thi, hiệu quả, UBND tỉnh Bình Định kính đề nghị Trung ương các nội dung sau:

- Kính đề nghị các cơ quan Trung ương tiếp tục bố trí vốn để thực hiện các dự án, nhiệm vụ đang thực hiện có sử dụng vốn ngân sách Trung ương.

- Kính đề nghị các cơ quan Trung ương hỗ trợ vốn để tỉnh triển khai các dự án tăng trưởng xanh theo Quyết định số 2773/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 của UBND tỉnh, tổng số vốn các dự án là 14.731 tỷ.

- Hướng dẫn kỹ thuật và bố trí kinh phí rà soát, xây dựng, điều chỉnh Quyết định số 4078/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 2053/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phù hợp với thực tế và tình hình địa phương.

- Hỗ trợ kinh phí và hướng dẫn kỹ thuật để tỉnh thực hiện các nhiệm vụ bắt buộc theo yêu cầu của Quyết định số 2053/QĐ-TTg như: Cập nhập đóng góp về thích ứng với BĐKH, Xây dựng kế hoạch thích ứng quốc gia.

UBND tỉnh Bình Định báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Biến đổi khí hậu;
- CT, PCT Trần Châu;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10. K13.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Châu

